

Số: 364/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 336/2024/HNST ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Bà Nguyễn Thị Đài L, sinh năm 1989; địa chỉ: 1 H, Khu phố E, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Vũ Đức L1, sinh năm 1989; địa chỉ: 5 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 18/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà L và ông L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông L1 không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 251/TLKS-BS ngày 22/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1; ông bà có 01 (một) con chung, họ, chữ đệm, tên: Vũ Vi Vi A (nữ), sinh ngày 14/4/2019.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho ông Vũ Đức L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông L1 không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Đài L có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 yêu cầu tự giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, đăng ký ngày 18/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 251/TLKS-BS ngày 22/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1; ông bà có 01 (một) con chung, họ và tên: Vũ Vi Vi A (nữ), sinh ngày 14/4/2019.

Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận giao con chung cho ông Vũ Đức L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông L1 không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Đài L có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) bà Nguyễn Thị Đài L và ông Vũ Đức L1 chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019266 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông L1 đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong